

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG LÚA, GẠO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2025 – ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026

Văn phòng Điều phối nông nghiệp nông thôn vùng ĐBSCL

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT LÚA NĂM 2025

1. Quy mô sản xuất, năng suất và sản lượng lúa cả nước

- Diện tích gieo trồng cả nước năm 2025 ước đạt 6,94 triệu ha, giảm 0,2% so với cùng kỳ 2024; trong đó Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) chiếm hơn 58% diện tích và 90% sản lượng xuất khẩu.

- Năng suất bình quân đạt 6,3 tấn/ha, giảm nhẹ 0,4%, sản lượng 34,82 triệu tấn, tăng 0,1% so với năm 2024.

2. Quy mô, năng suất, sản lượng lúa tại các tỉnh vùng ĐBSCL

+ Vụ Đông Xuân: 1,59 triệu ha, năng suất 7,24 tấn/ha, sản lượng 11,5 triệu tấn (+2,6%);

+ Vụ Hè Thu: 1,55 triệu ha, năng suất 5,84 tấn/ha, sản lượng 9,0 triệu tấn (-0,6%);

+ Vụ Thu Đông: 708 nghìn ha, năng suất 5,85 tấn/ha, sản lượng 4,1 triệu tấn (-1,1%).

Như vậy, sản lượng lúa toàn vùng ĐBSCL (gồm 6 tỉnh: Long An, Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau và Đồng Tháp) năm 2025 đạt 24,6 triệu tấn. Trong đó, vụ Đông Xuân chiếm hơn 44% tổng sản lượng cả năm, đảm bảo được yêu cầu an ninh lương thực quốc gia và nguồn hàng xuất khẩu; vụ Hè Thu là vụ quan trọng trong góp phần duy trì chuỗi cung ứng gạo nội địa và xuất khẩu trung hạn; vụ Thu Đông là vụ bổ sung, tận dụng đất đai nhưng cần kiểm soát rầy nâu và bệnh lem lép hạt.

3. Cơ cấu giống và xu hướng canh tác

- Tỷ lệ giống lúa chất lượng cao và thơm đặc sản chiếm 86–93% diện tích, phù hợp định hướng đề án xây dựng phát triển 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh;

- Lượng giống gieo sạ giảm rõ rệt, phổ biến 100–120 kg/ha, góp phần tiết kiệm chi phí và tăng khả năng chống chịu hạn, mặn. Tuy nhiên, bà con nông dân đang hợp tác, đoàn kết trong chỉnh sửa lại hệ thống kênh mương nội đồng, bờ mầu, đường đi nội đồng, ứng dụng đồng bộ cơ giới hoá, để giảm lượng giống lúa gieo sạ từ 70 kg/ha trở xuống, nhằm giảm giá thành sản xuất và nâng cao lợi nhuận cho bà con nông dân, đây cũng là cơ sở để thực hiện tổ chức những tổ hợp tác/ hợp tác xã hoặc mở rộng quy mô hợp tác xã (HTX) tham gia đề án và chuỗi liên kết ngành hàng lúa gạo giảm phát thải;

- Hiện nay, cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ thông minh vào sản xuất lúa có nhiều nghiên cứu phát minh, cải tiến và tiến bộ rất nhanh chóng, cụ thể như các

khâu gieo sạ, bón phân, phun thuốc, gặt đập liên hợp, cày, xới, xáo, trang bằng mặt ruộng, cuộn rom, băm rom kết hợp phun vi sinh phân huỷ hiệu khí... được người dân ủng hộ và nhanh chóng nhân rộng tại các tỉnh vùng ĐBSCL giúp năng suất đồng đều, giảm tổn thất sau thu hoạch. Bên cạnh đó, nhiều dịch vụ cơ giới hoá nông nghiệp do HTX, doanh nghiệp, tổ hợp tác tổ chức là hướng phát triển mới, rất tích cực đã giúp giảm giá thành thuê máy, sử dụng hết công suất máy, bảo trì, bảo dưỡng máy, an toàn trong sử dụng...

4. Dịch hại và bảo vệ thực vật

Tính đến tháng 9/2025, diện tích lúa bị nhiễm sâu bệnh là 577.000 ha, trong đó 365.000 ha đã được phòng trị kịp thời. Trong đó: Bệnh khô vằn, lem lép hạt, bạc lá và rầy nâu vẫn là 4 đối tượng chính. Rầy nâu và sâu cuốn lá nhỏ xuất hiện rải rác ở ĐBSCL, tăng nhẹ so với cùng kỳ nhưng chưa gây bùng phát diện rộng. Hiện nay, hệ thống “Dự báo sớm – Canh tác an toàn – Phun thuốc theo ngưỡng” đã giúp giảm 10–15% lượng thuốc BVTV so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, lúa cỏ và cỏ dại đang dần trở thành vấn đề nghiêm trọng có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất lúa vùng ĐBSCL nếu không có biện pháp quản lý hữu hiệu, đặc biệt trong khuynh hướng phát triển mô hình luân, xen canh lúa theo hướng hữu cơ, sinh thái tại vùng ĐBSCL.

II. DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG VÀ XUẤT KHẨU GẠO

1. Kết quả 9 tháng đầu năm 2025

- Xuất khẩu gạo cả nước đạt 6,53 triệu tấn, trị giá 3,78 tỷ USD, tăng 4,2% về lượng và 12,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024;

- Giá gạo xuất khẩu trung bình đạt 578–620 USD/tấn, thuộc nhóm cao nhất trong 10 năm qua;

- Các thị trường chính: Philippines (31%), Trung Quốc (18%), Indonesia (12%), châu Phi (9%), EU và Trung Đông (8%).

2. Diễn biến và thách thức

- Philippines kéo dài lệnh cấm nhập khẩu gạo đến hết năm 2025, khiến xuất khẩu của Việt Nam giảm 43% trong tháng 9, buộc doanh nghiệp chuyển hướng sang châu Phi, châu Âu và Trung Đông;

- Ấn Độ duy trì chính sách hạn chế xuất khẩu, song vừa thắng thầu 50.000 tấn gạo cung cấp cho Bangladesh, làm tăng cạnh tranh khu vực.

- Giá gạo Việt Nam 5% tấp hiện ở mức 375 USD/tấn, vẫn cao hơn Thái Lan và Ấn Độ nhưng lợi thế nằm ở ổn định chất lượng và uy tín chuỗi cung ứng.

2. Dự báo quý IV/2025 – đầu 2026

- Xuất khẩu gạo Việt Nam dự kiến đạt 8,8–9,0 triệu tấn cả năm 2025, kim ngạch khoảng 5,5–5,7 tỷ USD, giữ vị trí top 2 thế giới sau Ấn Độ;

- Thị trường phục hồi vào đầu năm 2026 khi Philippines mở lại nhập khẩu, EU tăng hạn ngạch GSP+, và Indonesia giảm mua nội địa sau khi đạt mục tiêu tự chủ lương thực;

- Xu hướng gạo hữu cơ, phát thải thấp, truy xuất nguồn gốc sẽ chiếm ưu thế trong các hợp đồng lớn với Nhật Bản, Hàn Quốc, châu Âu.

III. DỰ BÁO DIỄN BIẾN DỊCH HẠI VÀ XÂM NHẬP MẶN VỤ ĐÔNG XUÂN 2025–2026

1. Khí tượng – thủy văn

Theo Đài Khí tượng Thủy văn Nam Bộ, mùa khô 2025–2026 dự kiến xâm nhập mặn đến sớm từ giữa tháng 12/2025, có khả năng xâm nhập sâu 45–55 km tại các cửa sông Tiền, Hậu và Vàm Cỏ;

- Tổng lượng mưa thấp hơn trung bình 10–20%, nguy cơ hạn cục bộ (các vùng thuộc Kiên Giang, Trà Vinh, Bến Tre và Long An trước đây);

- Tuy nhiên, các hồ chứa ở miền Đông và hệ thống công đập kiểm soát mặn Cái Lớn–Cái Bé, Ba Lai đã nâng khả năng chủ động nguồn nước lên 80–85% diện tích vùng ngọt hóa.

2. Dự báo sinh vật gây hại chính

- Lúa cỏ và cỏ dại đang là vấn đề khá nghiêm trọng tại vùng ĐBSCL, khi ngân hàng cỏ dại tích lũy trong đất với số lượng rất lớn có nguy cơ gây ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất lúa vùng ĐBSCL;

- Rầy nâu, bệnh đạo ôn, khô vằn và lem lép hạt có thể phát sinh sớm do thời tiết ẩm và ẩm kéo dài;

- Nguy cơ dịch hại mới: bệnh cháy bìa lá vi khuẩn và bệnh vàng lùn – lùn xoắn lá ở các vùng canh tác lúa liên vụ (lưu ý các vùng thuộc Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp trước đây);

- Biện pháp ứng phó: Tuyên truyền về sự nguy hại của lúa cỏ, cỏ dại trên ruộng lúa và xây dựng quy trình quản lý hiệu quả, ưu tiên sử dụng giải pháp công nghệ thân thiện với môi trường, tổ chức triển khai nhanh chóng đến bà con nông dân; triển khai hệ thống trạm cảnh báo tự động, drone giám sát rầy di trú, bản đồ số vùng dịch nhằm cảnh báo sớm theo thời gian thực cho nông dân và chính quyền xã.

IV. ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2025–2026

1. Sản xuất chủ động, thích ứng sớm

- Gieo sạ sớm từ cuối tháng 10 đến 15/12/2025 ở vùng ven biển để né mặn cuối vụ;

- Áp dụng lịch thời vụ 3 đợt xuống giống tập trung gắn với dự báo nguồn nước và dịch hại.

2. Cơ cấu giống theo vùng sinh thái

- Vùng ngọt ổn định: OM18, Đài Thơm 8, ST24/25, OM5451;

- Vùng ven mặn: ưu tiên OM2517, OM9582, OM6073;

- Vùng chuyển đổi lúa–tôm: bố trí nhóm giống chịu mặn, thời gian sinh trưởng ngắn.

3. Chuyển đổi và kỹ thuật canh tác thông minh

- Triển khai nhân rộng thận trọng, chắc chắn và nhanh đề án xây dựng phát triển 01 triệu hecta lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL;

- Triển khai đồng bộ, khoa học hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững vùng ĐBSCL;

- Mở rộng mô hình luân, xen canh trên ruộng lúa, ưu tiên phát triển 1 vụ lúa – 2 vụ thủy sản/ rau màu; 2 vụ lúa – 1 vụ thủy sản/ rau màu, như các mô hình lúa – cá – vịt, lúa – tôm, lúa – sen, lúa – khoai lang... tại 6 tỉnh vùng ĐBSCL;

- Ứng dụng AI và dữ liệu vệ tinh trong dự báo thời tiết, năng suất và rủi ro sinh học.

4. Thị trường và xuất khẩu

- Đẩy nhanh mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, phấn đấu 100% vùng sản xuất xuất khẩu có truy xuất nguồn gốc điện tử;

- Tăng cường liên kết 4 nhà (nông dân – HTX – doanh nghiệp – ngân hàng); khuyến khích doanh nghiệp ký hợp đồng bao tiêu theo giá sàn lúa gạo xanh.

5. Bảo vệ thực vật và môi trường:

- Thực hiện quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), ưu tiên sử dụng chế phẩm sinh học, bẫy đèn, pheromone thay thế thuốc hóa học;

- Triển khai chương trình “3 giảm – 3 tăng” và “1 phải – 5 giảm” gắn chứng nhận SRP (Sustainable Rice Platform).

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Năm 2025 khẳng định vai trò trụ cột của ngành lúa gạo Việt Nam với sản lượng ổn định, xuất khẩu duy trì đà tăng trưởng, dù chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu và sự bất ổn của thị trường quốc tế.

2. Vụ Đông Xuân 2025–2026 là vụ sản xuất trọng tâm để đảm bảo an ninh lương thực, ổn định thị trường nội địa và duy trì năng lực xuất khẩu 9 triệu tấn gạo.

3. Kiến nghị:

- Các địa phương chủ động xây dựng kịch bản hạn – mặn; ban hành quy trình phòng tránh, bảo vệ cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phối hợp điều tiết nước trên phạm vi liên vùng, liên tỉnh;

- Doanh nghiệp xuất khẩu chuyển nhanh sang thị trường gạo xanh – phát thải thấp, đáp ứng yêu cầu Carbon Border Tax của EU;

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét cơ chế hỗ trợ tín dụng xanh và bảo hiểm cây trồng, giúp nông dân an tâm sản xuất bền vững.